

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission of Vietnam
- Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên Công ty quản lý quỹ:
Fund Management Company:
- Tên Ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
- Tên Quỹ:
Fund name:
- Mã chứng khoán:
Securities code:
- Kỳ báo cáo:
Reporting Period:
- Ngày lập báo cáo:
Reporting Date:

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital
VinaCapital Fund Management Joint Stock Company
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch
Quỹ ETF VinaCapital VN100
VinaCapital VN100 ETF
FUEVN100
Từ 24/07/2026 đến 30/07/2026
From 24-Jul-2026 to 30-Jul-2026
31/07/2026
31-Jul-2026

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD 30/07/2026	KỲ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD 23/07/2026
1	Giá trị tài sản ròng (NAV) Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ Net Asset Value at the beginning of period	651,687,900,653	676,301,728,103
1.1	của quỹ/per Fund	2,431,671,271	2,561,748,970
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate	24,316.71	25,617.48
1.3	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate		
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ Net Asset Value at the end of period	666,719,216,101	651,687,900,653
2.1	của quỹ/per Fund	2,478,510,097	2,431,671,271
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate	24,785.10	24,316.71
2.3	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate		
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in which:		
3.1	Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ Change of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period	12,633,404,666	(34,686,433,317)
3.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV related to investors during the period	2,397,910,782	10,072,605,867
3.2.1	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	-	-
3.2.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	2,397,910,782	10,072,605,867
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước Change of NAV per Fund certificate during period in comparison with the last period	468.39	(1,300.77)
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within the latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	728,495,330,305	728,495,330,305
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)	540,402,374,127	536,362,378,229
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market value of a Fund certificate (closing price of the latest trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period value	24,690	25,900
2	Giá trị cuối kỳ Ending period value	25,300	24,690
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value during period in comparison with the last period	610	(1,210)
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ Difference between market value per Fund certificate and NAV per Fund certificate		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/Absolute difference (VND)	514.90	373.29
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/Relative difference (discount (-)/premium (+))	2.08%	1.54%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest market value within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	28,500	28,500
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)	21,600	21,250

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc Chi nhánh

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital
Brook Colin Taylor
Tổng giám đốc